

Bản án số: 603/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v “tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1103/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Phương C, sinh năm 1975

Địa chỉ nơi cư trú: đường L, Phường X, quận Y Thành phố Hồ Chí Minh
(*Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đình K, sinh năm 1974

Địa chỉ nơi cư trú: đường T, Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
(*ông K có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Ông Lê Kiên T – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV T (*Luật sư T có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Phùng Thị Phương C trình bày:

Bà và ông Bùi Đình K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, ông K có nhiều dấu hiệu ngoại tình, có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, trong đó có người tên là Tăng Kim V từ khoảng tháng 3 năm 2019. Bà C đã phát hiện rất nhiều tin nhắn của ông K và cô này với nội dung rất tình cảm, xưng hô vợ chồng, cô này còn cho biết có thai với ông K và phải phá

thai. Thời điểm năm 2019 ông K bị bệnh, bà đã tận tình lo lắng, tìm nơi chữa trị nhưng trong thời gian đối diện với việc sinh tử, ông K vẫn hẹn hò, nhắn tin với cô gái đó. Ngoài ra, trước đó ông K còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên Tr. Bà cảm thấy thất vọng, mất lòng tin, bị ức chế, tinh thần căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống tinh thần, công việc của bà và việc học hành của các con. Từ tháng 9/2020 bà dọn ra sống riêng cùng con trai út, con trai lớn hiện đang du học ở C1, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai chỉ trao đổi chuyện học hành, nuôi dạy con. Bà nhận thấy khi sống riêng tinh thần thoải mái hơn rất nhiều, nếu sống chung mà không còn tình cảm thì sẽ ảnh hưởng đến các con nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà C và ông K có 02 con chung tên Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003, hiện đang du học ở C1 và Bùi Đình Khôi N, sinh ngày 27/10/2011. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C khai bà và ông K có tài sản chung là căn hộ tại địa chỉ: đường T, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu chia đôi tài sản chung này. Tuy nhiên, ngày 26/02/2021 bà C nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, yêu cầu để tự hai bên thỏa thuận về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà C khai không có.

Bị đơn, ông Bùi Đình K trình bày: Ông K thống nhất với trình bày của bà C về thời gian kết hôn, ly thân. Ông K thừa nhận mình có những việc làm sai, nhưng theo ông K đó không phải là ngoại tình mà chỉ là say nắng, là mối quan hệ thiên về xác thịt chứ không phải ông bỏ vợ con để theo người phụ nữ khác. Thời gian ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác tên V là khoảng hơn 01 năm và hiện tại đã chấm dứt mối quan hệ này. Còn với cô T thì ông xác định chỉ là bạn bè làm ăn. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn các con còn gia đình đầy đủ bố mẹ và bản thân ông hiện đang bị bệnh nan y. Trước đây, ông cũng phát hiện bà C có mối quan hệ với một người khác, nhưng ông vẫn bỏ qua, tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống nên nay ông cũng mong muốn bà C chấp nhận bỏ qua, ông sẽ cố gắng bù đắp cho những việc làm sai của mình. Ông K không đồng ý ly hôn vì không muốn các con bị tổn thương do thiếu hụt tình cảm, thiếu sự hướng dẫn của người cha sẽ gặp thất bại do thiếu kinh nghiệm sống.

Về con chung: Có hai con chung Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003, và Bùi Đình Khôi N, sinh ngày 27/10/2011 như bà C trình bày. Nếu phải ly hôn, ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông K đồng ý để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K khai không có.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C là luật sư Lê Kiến T trình bày: Theo bà C trình bày thì quá trình bà C và ông K chung sống, ông K nhiều lần ngoại tình trong khoảng thời gian dài, ngay cả khi ông K

bị bệnh nan y và được vợ con luôn cận kề hết lòng chăm sóc. Khi phát hiện chồng ngoại tình, hai bên thường xuyên cãi vã, gây ức chế, căng thẳng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, công việc của bà C và việc học hành của các con. Bà C và ông K đã sống ly thân từ năm 2019 và đến tháng 9/2020 thì bà C thuê nhà ở riêng cho đến nay. Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Mâu thuẫn của hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C. Về con chung: Bà C và ông K có 02 con chung. Con chung tên Bùi Đình K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Bà C yêu cầu được nuôi con chung Bùi Đình Khôi N là phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung: Bà C đã rút yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị đề tự hai bên thỏa thuận. Nợ chung hai bên khai không có.

Ông K trình bày: Ông K vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ vì không muốn các con thiếu tình cảm của cha. Ông K xác định hai bên có mâu thuẫn từ khi bà C phát hiện những tin nhắn của ông với người phụ nữ khác. Ông có quan hệ tình cảm với người tên V nhưng ông nghĩ chỉ vui chơi, không nghĩ sẽ bỏ vợ con để theo người khác, khi cô V yêu cầu ông ly hôn vợ để cưới cô ta thì ông mới chấm dứt quan hệ này. Khi ông bị bệnh bà C vẫn quan tâm, chăm sóc ông đầy đủ. Khi hai bên sống ly thân, bà C vẫn thường đưa con về thăm ông. Nếu bà C vẫn cương quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con nhỏ là Bùi Đình Khôi N, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông đang làm giám đốc điều hành một công ty, thu nhập và sức khỏe ổn định. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án ra quyết định sơ thẩm có sự tham gia của Viện kiểm sát là đúng quy định.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án dân sự: Nhận thấy căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, quyển số A ngày 11/6/2001 của Ủy ban nhân dân Phường X quận Y, Thành phố H thì quan hệ hôn nhân của bà Phùng Thị Phương C và ông Bùi Đình K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ ông K ngoại tình, cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Bà C đã cho ông K thời gian hàn gắn nhưng ông K vẫn tiếp tục ngoại tình. Ông K không đồng ý ly hôn vì cho rằng trước đây ông cũng phát hiện bà C có mối quan hệ với người khác nhưng ông vẫn bỏ qua, tiếp tục chung sống, ông mong muốn các con có gia đình đầy đủ bố mẹ. Nhận thấy hai ông bà đã có thời gian suy nghĩ, cân nhắc về quan hệ hôn nhân, hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hàn gắn

được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu lý hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Cả hai con chung đều có lời khai muốn sống với mẹ. Nhận thấy bà C và ông K đều có điều kiện như nhau, tuy nhiên trẻ Nguyễn còn nhỏ, để đảm bảo việc học hành, cuộc sống ổn định của trẻ và theo nguyện vọng của trẻ Nguyễn, nên chấp nhận giao trẻ Bùi Đình Khôi Nguyễn cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do nguyên đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung nên đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của luật sư và đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn – bà Phùng Thị Phương C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Bùi Đình K. Ông K có nơi cư trú tại quận Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 13/12/2021, bà Phùng Thị Phương C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phùng Thị Phương C: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2001, quyển số 01/P12 ngày 11/6/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Phùng Thị Phương C và ông Bùi Đình K là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn xin được xét xử vắng mặt bà C trình bày vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì ông K đã nhiều lần ngoại tình làm bà bất mãn và không thể tha thứ được nữa. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Bùi Đình Khôi N, sinh ngày 27/10/2011, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Do con chung tên Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003 đã thành niên nên bà C không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào trình bày của bà C và ông K thì quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong một thời gian dài, ngay cả khi ông đang bị bệnh và bà C vẫn quan tâm, chăm sóc, tìm cách chữa trị cho ông, là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ “thương yêu, chung thủy, tôn trọng” giữa vợ chồng được quy định tại điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ảnh hưởng đến

tinh thần, công việc và ảnh hưởng đến tâm lý các con. Cả hai đã sống ly thân hơn một năm, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không có sự gắn kết, quan tâm, chia sẻ. Bà C cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông K vì không còn tình cảm, không có lòng tin. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, ông K thừa nhận có quan hệ tình cảm với người khác nhưng cho rằng chỉ quen để vui chơi chứ ông không có ý định bỏ vợ con. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn gia đình có đầy đủ con cái, cha mẹ và ông bị bệnh nan y cần gia đình làm điểm tựa. Tại phiên tòa, ông K khai sau khi phẫu thuật điều trị thì sức khỏe của ông đã ổn định, có thể tự chăm sóc bản thân và hiện tại ông đang làm giám đốc điều hành một công ty, thu nhập ổn định. Việc ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong thời gian dài ngay cả khi đang trong quá trình điều trị bệnh mặc dù được sự chăm sóc, quan tâm của vợ, đã thể hiện sự thiếu tôn trọng người vợ, không chung thủy trong quan hệ hôn nhân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và tâm lý của các con, dẫn đến việc người vợ mất niềm tin và không còn tình cảm với chồng. Do vậy, xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà C và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông K có 02 con chung tên Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003 và Bùi Đình K N, sinh ngày 27/10/2011. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Bùi Đình Khôi N, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Bùi Đình Kh đã thành niên, cả hai không có yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa ông K trình bày nếu bà C vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Bùi Đình Khôi N, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ N hiện đang sinh sống ổn định với bà C, có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do đó, để ổn định nơi sinh sống, học tập và ổn định tâm lý của trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống với mẹ của trẻ N, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần thiết giao trẻ N cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông K do bà C không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Ngày 26/02/2021, bà C có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu để tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K cũng đồng ý tự thỏa thuận về tài sản chung nên hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung, để hai bên tự thỏa thuận.

[2.4] Về nợ chung: Bà C và ông K khai không có nợ chung.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa và của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068856 ngày 08/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068897 ngày 17/12/2020 của C cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Phùng Thị Phương C:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Phương C được ly hôn với ông Bùi Đình K.

1.2 Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003 và Bùi Đình Khôi N sinh ngày 27/10/2011. Giao cho bà Phùng Thị Phương C trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Bùi Đình Khôi N, sinh ngày 27/10/2011.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Bùi Đình K do bà Phùng Thị Phương C không yêu cầu.

Riêng con chung tên Bùi Đình Kh, sinh ngày 13/9/2003 đã thành niên, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông **Bùi Đình K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Phùng Thị Phương C.

Bà C và ông K tự thỏa thuận về tài sản chung.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phùng Thị Phương C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được miễn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068856 ngày 08/12/2020 của C cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Phương C số tiền tạm ứng án phí 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068897 ngày 17/12/2020 của C cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Ông Bùi Đình K có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phùng Thị Phương C vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- C cục THA DS Q.Tân Bình;
- UBND Phường 12, Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Trương Lê Diễm Thúy